TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐĂKLĂK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 30 tháng 01 năm 2023.
V/v:*"Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phượng, bà Trần Thị Mai Thu.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê KDăm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 230/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Tư Thị L - Sinh năm: 1999

Trú tại: Thôn 04, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Bị đơn: Anh Phan Văn N - Sinh năm: 1997

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 08 (nay là thôn 04), xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2022/QĐST-VDS ngày 29/4/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2022, bản tự khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Tư Thị L trình bày*:*

Chị và anh Phan Văn N đăng ký kết hôn ngày 19/12/2018 tại UBND xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 08 (nay là thôn 04), xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Tư Phan Thiên D - Sinh ngày 11/11/2018.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn cãi nhau là do anh N không lo làm ăn, hay uống rượu, không quan tâm đến gia đình vợ con. Đến ngày 03/3/2019 anh N đã bỏ nhà đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức, lý do anh N bỏ nhà đi là do cãi nhau với vợ, sau khi anh N đi thì chị L đã thông báo với chính quyền địa phương và đã dùng nhiều biện pháp tìm kiếm, kể cả thông báo nhắn tin trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay vẫn không biết anh N ở đâu, làm gì, không ai có thông tin gì.

Chị L đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố anh Phan Văn N mất tích, theo Quyết định số 01/2022/QĐST-VDS ngày 29/4/2022 của Tòa án nhận dân huyện Buôn Đôn.

Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Văn N.

Về con chung chị L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tư Phan Thiên D đến tuổi trưởng thành, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phan Văn N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số01/2022/QĐST-VDS ngày 29/4/2022.

Sau khi thụ lý vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tại địa phương, thì hiện nay anh Phan Văn N vẫn không có mặt, Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại nơi cư trú cuối cùng của anh Phan Văm N theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tại Công an xã E, huyện B. Qua xác minh Công an xã E cho biết anh Phan Văn N đã bỏ nhà đi từ tháng 03/2019 đến nay không có tin tức gì, khi đi anh N cũng không khai báo với địa phương. Do đó căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đưa vụ án ra xét xử.

Tại phần tranh luận nguyên đơn chị Tư Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn N.

Về con chung chị L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tư Phan Thiên D đến tuổi trưởng thành; về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các đương sự: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình số 230/2022/HNGĐ –ST ngày 16/11/2022. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, tống đạt và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tống đạt và niêm yết hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với anh Phan Văn N vắng mặt tại phiên tòa và Tòa án đã có quyết định tuyên bố anh N mất tích. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 51, 53, 54, 56, 58 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, Điều 186 và Điều 188 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tư Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tư Thị L được ly hôn với anh Phan Văn N.

Về nuôi con: Giao cháu Tư Phan Thiên D – Sinh ngày 11/11/2018 cho chị Tư Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập; chị L phải chịu án phí lý hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét thấy chị Tư Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Văn N thì đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh Phan Văn N vắng mặt và Tòa án đã có Quyết định tuyên bố anh N mất tích, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Tư Thị L và anh Phan Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện B, tỉnh Đăk Lăk ngày 19/12/2018 trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 3/2019 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn, hay nhậu nhặt, không quan tâm đến gia đình vợ, con và bỏ nhà đi khỏi địa phương đến nay, mặc dù chị L đã dùng nhiều biện pháp tìm kiếm, kể cả thông báo nhắn tin trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay vẫn không có thông tin gì. Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tuyên bố anh Phan Văn N mất tích, theo quyết định số 01/2022/QĐST-VDS ngày 29/4/2022.

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở nên căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị Tư Thị L được ly hôn với anh Phan Văn N là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Tư Phan Thiên D – Sinh ngày 11/11/2018 hiện còn nhỏ và đang ở với chị L nên giao cháu Tư Phan Thiên D cho chị Tư Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chị Lệ không yêu cầu nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tư Thị L không yêu cầu nên không đề cập.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 188, Ñieu 203 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tư Thị L.

- *Về quan hệ hôn nhân***:** Chị Tư Thị L được ly hôn với anh Phan Văn N.

- *Về nuôi con sau ly hôn*: Giao cháu Tư Phan Thiên D – Sinh ngày 11/11/2018 cho chị Tư Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Tư Thị L không yêu cầu nên không đề cập.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị Tư Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0019181 ngày 16/11/2022.

Chị Tư Thị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Phan Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Buôn Đôn;
- THA DS huyện B;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.